

THÔNG BÁO

Về việc công bố thực hiện dự toán thu chi ngân sách

Quý I năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017-BTC ngày 15/ 6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Trường mầm non Diễn Hạnh thông báo niêm yết:

Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2025 (số liệu có mẫu biểu kèm theo)

1. Hình thức, địa điểm và thời gian niêm yết công khai.

1.1. Hình thức, địa điểm:

- Trang Webs
- Thông báo trước hội đồng nhà trường;
- Niêm yết tại bảng công khai của nhà trường

1.2. Thời gian:

Thời gian niêm yết từ 7h30 ngày 08/04/2025 đến 7h 30p ngày 08/05/2025

2. Yêu cầu: Mọi cán bộ giáo viên nhân viên, phụ huynh và nhân dân xem bảng niêm yết về các nội dung công khai nếu có điều gì thắc mắc sẽ phản ánh về tổ công khai.

Nơi nhận:

- BDDCMHS;
- Các tổ CM;
- Lưu: VP.



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Sáu

Hạnh Quảng, ngày 08 tháng 04 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường MN Diễn Hạnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý I năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý I năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Nguồn ngân sách trong nước				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7 274 116 000	1 714 368 238	23,57	
3.1.1	KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	7 018 118 000	1 714 368 238	24,43	
	13 - KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm		1 714 368 238		
	Tiền lương		872 621 070		
	Lương theo ngạch, bậc		872 621 070		
	Phụ cấp lương		498 735 723		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý I năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Phụ cấp chức vụ		13 338 000		
	Phụ cấp ưu đãi nghề		309 181 686		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		1 404 000		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		174 812 037		
	Các khoản đóng góp		255 864 837		
	Bảo hiểm xã hội		190 884 945		
	Bảo hiểm y tế		32 723 133		
	Kinh phí công đoàn		21 815 421		
	Bảo hiểm thất nghiệp		10 441 338		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		3 516 608		
	Tiền điện		3 516 608		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		1 980 000		
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		1 980 000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		49 800 000		
	các tài sản và công trình hạ tầng khác		49 800 000		
	Công tác phí		3 000 000		
	Khoản công tác phí		3 000 000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		28 850 000		
	Chi mua hàng hóa, vật tư		24 850 000		
	Chi các khoản khác		4 000 000		
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3.2.1	12-Kinh phí không thường xuyên không tự chủ	93 420 000		0,00	
3.2.2	18-Kinh phí không thường xuyên không tự chủ	255 998 000		0,00	

Hạnh Quế ngày 08 tháng 04 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Sáu